TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 584/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Điệp

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2023/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2023/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 8 năm 2023; giữa:

-.*Nguyên đơn*: chị Dương Ngọc S, sinh năm: 1991 (có mặt)
Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn:* anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1984 (vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Dương Thị S trình bày: chị và anh Nguyễn Ngọc H tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai

bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng dần về sau thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy giữa chị và anh H không thể nào tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn anh H. Về con chung, chị và anh H có với nhau hai con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 24/11/2019. Chị S xác định hiện các con đang sống với chị. Đối với con chung chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và xét theo ý kiến của con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị Skhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị S.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện G chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp. Chị S cho rằng giữa chị và anh H mâu thuẫn thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung, anh H không có trách nhiệm với gia đình từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Kể từ khi khởi kiện đến nay anh H cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị S và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị S yêu cầu ly hôn anh H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị S ly hôn anh H.

Về con chung: chị S xác định chị và anh H có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 24/11/2019. Chị S yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng và xét theo ý kiến của cháu T. Tại bản khai, cháu Thư có ý kiến được sống với chị S. Anh H không có ý kiến phản đối cho rằng chị S không đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét giao hai con chung Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày

24/11/2019 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H cũng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: buộc chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Dương Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung với anh Nguyễn Ngọc H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự và anh H với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H hiện đang sinh sống tại xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H nhưng không thực hiện được do anh H không có mặt tại nhà. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật nhằm thông tin nội dung vụ kiện, các yêu cầu của chị S để anh H biết và có ý kiến phản hồi nhưng anh H vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị S và anh Nguyễn Ngọc H tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị S và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được chị S xác định trong quá trình khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án. Riêng anh H không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Nhưng anh H không có ý kiến phản đối cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày chị S là do vợ chồng thường xuyên cải nhau liên quan đến tiền bạc, không có

tiếng nói chung giữa vợ chồng. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn thương yêu quan tâm lẫn nhau. Hiện tại giữa chị S và anh H đã không còn chung sống vợ chồng nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của chị S và anh H không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm chị S khởi kiện, anh H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh để tham gia hòa giải nhưng anh vắng mặt. Xét thấy, chị S và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được ly hôn anh H.

[2.2]Về con chung, chị S xác định chị và anh H có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 24/11/2019, hiện các con đang sống với chị S. Anh H không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà chị S cung cấp là giấy khai sinh của hai cháu T và H, trên giấy thể hiện anh H và chị S là cha mẹ của các cháu. Từ đó, có cơ sở để xác định các cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 24/11/2019 là con chung của chị S và anh H. Chị S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con nhưng xét theo nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại các con đang sống cùng chị S, các cháu vẫn phát triển tốt, anh H cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị S về quyền nuôi con. Tại bản khai, cháu T có ý kiến được tiếp tục sống cùng với chị S nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao hai cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 24/11/2019 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.2]Về tài sản chung và nợ chung: chị S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị S phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007938 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H

2.Về con chung: xử giao hai con chung Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 07/5/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 24/11/2019 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng (xét theo nguyện vọng của cháu Thư và cháu Hậu được sống với chị S). Anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

Anh Nguyễn Ngọc H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Dương Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007938 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày, chị S được tính kể từ ngày tuyên án (26-9-2023) anh H được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.